TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-ST
Ngày 29-01-2021
V/v tranh chấp Hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Võ Minh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Quốc Toàn**
2. Ông **Nguyễn Minh Trọn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Vẹn –** Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 449/2020/TLST-DS ngày 14/8/2020 về tranh chấp "Hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 411/2020/QĐST- DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Ngô Thùy T**, sinh năm 1977 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh C.
2. Bị đơn: Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1985 (vắng mặt).
Bà **Lương Cẩm D**, sinh năm 1987 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 8 năm 2020 và các lời khai tại tòa nguyên đơn bà Ngô Thùy T trình bày:

Vào ngày 25/9/2014 (âm lịch) bà T có mở dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 65 chưng, mỗi tháng khui 01 lần. Ông Trần Văn Đ, bà Lương Cẩm D tham gia 02 chưng đã hốt hết 02 chưng hụi ông Đ, bà D đã tham gia. Ông Đ, bà D phải đóng hụi chết mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Vào ngày 10/9/2016 (âm lịch) bà T có mở dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 68 chưng, mỗi tháng khui 01 lần. Ông Trần Văn Đ, bà Lương Cẩm D tham gia 01 chưng, đã hốt chưng hụi ông Đ, bà D đã tham gia. Ông Đ, bà D phải đóng hụi chết mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Vào ngày 25/11/2017 (âm lịch) bà T có mở dây hụi, loại hụi 500.000 đồng, gồm có 63 chưng, mỗi tháng khui 02 lần. Ông Trần Văn Đ, bà Lương Cẩm D tham gia 02 chưng đã hốt hết 02 chưng hụi ông Đ, bà D đã tham gia. Ông Đ, bà D phải đóng hụi chết mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Vào ngày 25/11/2018 (âm lịch) bà T có mở dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm có 52 chưng, mỗi tháng khui 01 lần. Ông Trần Văn Đ, bà Lương Cẩm D tham gia 02 chưng đã hốt hết 01 chưng, còn 01 chưng ông Đ, bà D góp được 10 tháng không góp nữa. Ông Đ, bà D phải đóng hụi chết mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Ngày 26/02/2020 bà T khởi kiện ông Đ, bà D về tranh chấp hụi, tại biên bản hòa giải ngày 25/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện P ông Đ bà D thừa nhận nợ và thống nhất trả cho bà T số tiền 76.700.000 đồng. Ngày 03/4/2020 Tòa án nhân dân huyện P ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự buộc ông Trần Văn Đ, bà Lương Cẩm D trả cho bà T số tiền 76.700.000 đồng. Sau khi Tòa án ban hành quyết định thỏa thuận tính đến ngày 05/8/2020 là 04 tháng nhưng ông Đ, bà D vẫn không đóng tiếp hụi chết cho bà T. Nay bà Ngô Thùy T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn Đ, bà Lương Cẩm D trả cho bà T số tiền 28.000.000 đồng đến thời điểm khởi kiện ngày 05/8/2020.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thùy T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 12.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 01 tháng 9 năm 2020 bị đơn bà Lương Cẩm D trình bày:

Ngày 04 tháng 4 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện P ban hành quyết định thỏa thuận ông Trần Văn Đ, bà Lương Cẩm D trả cho bà Ngô Thùy T số tiền 76.700.000 đồng. Đến nay là thêm 05 tháng số tiền hụi bà D phải đóng là 15.000.000 đồng, nay bà T yêu cầu bà D, ông Đ trả số tiền 40.000.000 đồng bà không đồng ý.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông Trần Văn Đ nhưng ông Đ vẫn vắng mặt và không gũi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp "Hụi" nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với ông Trần Văn Đ nhưng ông Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tại bản tự khai ngày 01 tháng 9 năm 2020 bị đơn bà Lương Cẩm D xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà D là phù hợp với quy định.

[2] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hụi 28.000.000 đồng. Xét đây là quan hệ pháp luật tranh chấp "Hụi".

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thùy T xác định dây hụi ngày 25/9/2014 (âm lịch) ông Đ, bà D phải đóng hụi chết mỗi tháng 2.000.000 đồng. Dây hụi ngày 10/9/2016 (âm lịch) ông Đ, bà D phải đóng hụi chết mỗi tháng 1.000.000 đồng. Dây hụi ngày 25/11/2017 (âm lịch) ông Đ, bà D phải đóng hụi chết mỗi tháng 2.000.000 đồng. Dây hụi ngày 25/11/2018 (âm lịch) ông Đ, bà D phải đóng hụi chết mỗi tháng 2.000.000 đồng. Bốn dây hụi nêu trên mỗi tháng bà D, ông Đ phải đóng hụi chết số tiền 7.000.000 đồng đến ngày khởi kiện ngày 05/8/2020 là 04 tháng. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền 28.000.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 01/9/2020 bị đơn bà Lương Cẩm D trình bày ngày 04/4/2020 Tòa án nhân dân huyện P ban hành quyết định thỏa thuận buộc ông Trần Văn Đ, bà Lương Cẩm D trả cho bà T số tiền 76.700.000 đồng, đến nay là 05 tháng bà D đóng tiếp số tiền hụi chết là 15.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng góp hụi giữa nguyên đơn và bị đơn là có thực tế diễn ra và các bên đều thừa nhận. Tuy nhiên bị đơn bà Lương Cẩm D chỉ thừa nhận nợ nguyên đơn số tiền 15.000.000 đồng nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy, tại biên bản hòa giải ngày 25/3/2020 bị đơn bà Lương Cẩm D và ông Trần Văn Đ đã thừa nhận có tham gia hụi như nguyên đơn trình bày và tại bản tự khai 01/9/2020 bị đơn bà Lương Cẩm D cũng thừa nhận đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện là 05 tháng chưa đóng hụi cho nguyên đơn. Như vậy dây hụi ngày 25/9/2014 (âm lịch) ông Đ, bà D tham gia 02 chưng hụi đã hốt hết 02 chưng hụi. Ông Đ, bà D phải đóng hụi chết mỗi tháng 2.000.000 đồng. Dây hụi ngày 10/9/2016 (âm lịch) ông Đ, bà D tham gia 01 chưng hụi, đã hốt xong. Ông Đ, bà D phải đóng hụi chết mỗi tháng 1.000.000 đồng. Dây ngày 25/11/2017 (âm lịch) ông Đ, bà D tham gia 02 chưng hụi đã hốt 02 chưng. Ông Đ, bà D phải đóng hụi chết mỗi tháng 2.000.000 đồng. D hụi ngày 25/11/2018 (âm lịch) ông Đ, bà D tham gia 02 chưng hụi đã hốt hết 01 chưng, còn 01 chưng hụi ông Đạo, bà Diền góp được 10 tháng không góp nữa, dây hụi này ông Đ bà D phải đóng hụi chết mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tổng 04 dây hụi mỗi tháng ông Đ, bà D phải đóng hụi chết cho bà T số tiền 7.000.000 đồng. Nguyên đơn bà Ngô Thùy T yêu cầu bị đơn ông Trần Văn Đ, bà Lương Cẩm D trả tiền hụi từ tháng 04 năm 2020 đến tháng 08 năm 2020 là 04 tháng với số tiền 28.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Xét đối với rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền 12.000.000 đồng. Xét thấy là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Thùy T, buộc bị đơn ông Trần Văn Đ, bà Lương Cẩm D trả cho bà Ngô Thùy T số tiền 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bà Ngô Thùy T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ, bà D không thi hành xong khoản tiền trên, thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Văn Đ, bà Lương Cẩm D phải chịu án phí số tiền 1.400.000 đồng. Nguyên đơn bà Ngô Thùy T không phải chịu án phí, bà T có nộp tạm ứng án phí số tiền 1.000.000 đồng, theo biên lai thu số 0011904 ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được hoàn lại.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án đươc niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Võ Minh Luân